

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-PT
Ngày 21-7-2021
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Vân Thúy
Bà Bùi Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 17/2021/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021 về việc “ không công nhận quan hệ vợ chồng”

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 29/2021/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng có kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2021/QĐ-PT ngày 21 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 268/2021/QĐ-PT ngày 15/7/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Nhật A, nơi cư trú: Thôn TC, xã HC, huyện KD, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt;

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, nơi cư trú: Thôn QT, xã BT, huyện AL, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là Ông Phạm Nhật A trình bày:

Ông Phạm Nhật A và Bà Nguyễn Thị B chung sống với nhau từ năm 1983 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Năm 2003 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2003, không quan tâm đến nhau, không hạnh phúc. Do vậy ông A yêu cầu Tòa giải quyết cho ông ly hôn với bà B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Quốc C, sinh ngày 05/8/1990 và Phạm Thị D, sinh ngày 05/3/1994 hiện đã trưởng thành, có thể tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là Bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà B và ông A chung sống với nhau từ năm 1983. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông A có quan hệ với người phụ nữ khác và không quan tâm đến gia đình, vợ con. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2003 đến nay. Bà B xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau và đồng ý ly hôn với ông A. Bà B trình bày vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bát Trang, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng và xuất trình cho Tòa án bản sao giấy chứng nhận kết hôn có chứng nhận sao y bản chính ngày 10/8/1996 của Ủy ban nhân dân xã Bát Trang, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm bà B trình bày không đến Ủy ban nhân dân xã Bát Trang để làm thủ tục đăng ký kết hôn.

Về con chung và tài sản chung bà nhất trí với lời trình bày của ông A.

Bản án số 29/2021/HNGĐ-ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng đã xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Ông Phạm Nhật A và Bà Nguyễn Thị B.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/5/2021, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng kháng nghị toàn bộ Bản án sơ thẩm số 29/2021/HNGĐ-ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ kháng nghị: Bản án xác định bà B và ông A chung sống với nhau từ năm 1983 nhưng không đăng ký kết hôn. Do đó, theo quy định tại điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và khoản 4 Điều 2

Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT ngày 06/01/2016, cần xác định giữa họ có hôn nhân thực tế và phải giải quyết ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Mặc dù bản án nhận định có căn cứ xác định ông A và bà B chung sống với nhau từ năm 1983 không đăng ký kết hôn nhưng lại áp dụng khoản 3 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT ngày 06/01/2016 để xác định quan hệ tranh chấp không nhận quan hệ vợ chồng và tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông A và bà B là không đúng.

Yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng theo hướng: Xác định quan hệ tranh chấp ly hôn và giải quyết cho bà B và ông A ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự chưa chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng nghị: Tòa án nhân dân huyện An Lão , thành phố Hải Phòng nhận định và áp dụng pháp luật không đúng quy định, dẫn đến ra quyết định tại bản án không phù hợp pháp luật. Do vụ án chưa giải quyết vấn đề tài sản giữa các đương sự, nên việc tuyên xử không công nhận vợ chồng dẫn đến ảnh hưởng nghiêm trọng đến quan hệ tài sản trong hôn nhân theo Luật Hôn nhân gia đình giữa các đương sự, cần thiết phải kháng nghị phúc thẩm để sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Xác định quan hệ tranh chấp ly hôn và giải quyết cho bà B và ông A ly hôn theo quy định Luật Hôn nhân gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị số 07/QĐKNPT-VKS-DS ngày 26/5/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố, sửa bản án sơ thẩm số 29/2021/HNGĐ-ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của ông A, xử cho ông Phạm Văn Tân được ly hôn với Bà Nguyễn Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là Ông Phạm Nhật A và bị đơn là Bà Nguyễn Thị B vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tuy nhiên, các đương sự không kháng

cáo, do vậy căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

- Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

[2] Theo tài liệu có trong hồ sơ thể hiện lời khai của ông A trình bày giữa ông và bà B không đăng ký kết hôn nhưng chung sống với nhau từ năm 1983 trên cơ sở tự nguyện. Bà B xuất trình cho Tòa án bản sao giấy chứng nhận kết hôn có chứng nhận sao y bản chính ngày 10/8/1996 của Ủy ban nhân dân xã Bát Trang, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng nhưng ông A không thừa nhận chữ ký của mình trong giấy chứng nhận kết hôn. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà B trình bày không đến Ủy ban nhân dân xã Bát Trang để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Bát Trang không có tên Ông Phạm Nhật A và Bà Nguyễn Thị B trong sổ đăng ký kết hôn của xã. Giấy chứng nhận kết hôn do bà B cung cấp không ghi xã, phường nơi đăng ký kết hôn. Như vậy, có căn cứ xác định ông A và bà B chung sống với nhau từ năm 1983 nhưng không đăng ký kết hôn như bản án sơ thẩm nhận định là có căn cứ.

[3] Tuy nhiên, tại điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: “Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000”. Tại mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp cũng quy định: “Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) mà chưa đăng ký kết hôn, nếu một bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn, thì Tòa án thụ lý vụ án và áp dụng quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung.”. Đồng thời, tại điểm b khoản 4 Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 quy định “người đang có vợ hoặc có chồng” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 của Luật hôn nhân và gia đình là người thuộc một trong các trường hợp sau đây: “Người xác lập quan hệ vợ chồng với người khác trước ngày 03/01/1987 mà chưa đăng ký kết hôn và chưa ly hôn hoặc không có sự kiện vợ (chồng) của họ chết hoặc vợ (chồng) của họ không bị tuyên bố là đã chết”.

[3] Như vậy, căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP thì quan hệ vợ chồng giữa ông A và bà B đã xác lập từ năm 1983 (trước

ngày 03/01/1987, ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) thì được coi là hôn nhân thực tế và khi có yêu cầu ly hôn thì được xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là Ly hôn và giải quyết ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình. Bản án sơ thẩm nhận định và không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông A và bà B là không đúng các văn bản hướng dẫn nêu trên.

[4] Từ phân tích trên xét thấy kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng là có căn cứ cần chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Xác định quan hệ pháp luật là “ ly hôn” và giải quyết cho ông A được ly hôn bà B theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình.

[5] Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 11, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng.

2. Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 29/2021/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: “Ly hôn”.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Nhật Tân được ly hôn Bà Nguyễn Thị B.

Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Phạm Nhật A và Bà Nguyễn Thị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Miễn án phí sơ thẩm cho Ông Phạm Nhật A.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Vụ án có kháng nghị nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Diệp

